

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2024/DS-ST

Ngày: 26/8/2024

V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư;

2. Ông Mai Huy Mân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

Vào ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 275/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2024/QĐST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2024/QĐST-DS ngày 13/8/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T là: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1992, (có mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo Hợp đồng ủy quyền chứng thực số 680, quyền số/2024 – SCT/HĐ,GD ngày 29/7/2024).

- *Bị đơn:* 1/ Chị Huỳnh Thị N, sinh năm 1978, (vắng mặt);

2/ Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1977, (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ghi ngày 06/6/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T có đại diện theo ủy quyền là anh Nguyễn Văn L trình bày:**

Bà T là hụi viên có tham gia góp hụi do chị Huỳnh Thị N và anh Nguyễn Văn P làm đầu thảo, cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ 1, Hụi vụ mùa Đ xuân 2017, hụi khui ngày 15/01/2017 (âm lịch), hụi mùa. Hụi sống đóng 01 chỉ vàng 24Kara, hụi chết đóng 1,5 chỉ vàng 24 Kara. Dây hụi này gồm 16 phần, bà T tham gia 01 phần. Bà T đã góp được 15 kỳ, đến kỳ hụi thứ 16 thì chị N, anh P ngưng hụi cho đến nay. Trong dây hụi này chị N và anh P nợ bà T số vàng là 15 chỉ vàng 24 Kara (01 chỉ vàng 24Kara/phần x 15 kỳ x 01 phần).

- Dây hụi thứ 2, Hụi vụ mùa vụ 3 năm 2018, hụi khui ngày 15/8/2018 (âm lịch). Hụi sống đóng 01 chỉ vàng 24Kara, hụi chết đóng 1,5 chỉ vàng 24Kara. Dây hụi này gồm 17 phần, bà T tham gia 01 phần. Bà T đã góp được 09 kỳ, đến kỳ hụi thứ 10 thì chị N, anh P ngưng hụi cho đến nay. Trong dây hụi này chị N và anh P nợ bà T số vàng là 09 chỉ vàng 24 Kara (01 chỉ vàng 24Kara/phần x 09 kỳ x 01 phần).

- Dây hụi thứ 3, Hụi vụ Đông Xuân năm 2019, mỗi phần trị giá 3.000.000 đồng, gồm 16 phần, bà T tham gia 01 phần. Bà T đã góp được 08 kỳ, đến kỳ hụi thứ 09 thì chị N, anh P ngưng hụi cho đến nay. Trong dây hụi này chị N và anh P còn nợ lại bà T số tiền là 23.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền và số vàng nợ hụi mà chị N, anh P nợ bà T là 23.000.000 đồng và 24 chỉ vàng 24 Kara. Bà T đã nhiều lần yêu cầu chị N và anh P trả cho bà T số tiền và số vàng nợ hụi nêu trên nhưng chị N và anh P không trả mà cố tình hứa hẹn kéo dài thời gian cho đến nay nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả tiền hụi cho bà T.

Việc chị N và anh P không trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T rất nhiều.

Nay bà T yêu cầu chị Huỳnh Thị N và anh Nguyễn Văn P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T tổng số tiền và số vàng nợ hụi là 23.000.000 đồng và 24 chỉ vàng 24 Kara. Yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

*** *Tại biên bản hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 15/7/2024, bị đơn chị Huỳnh Thị N trình bày:***

Chị và chồng là anh Nguyễn Văn P thống nhất còn nợ bà Nguyễn Thị Bích T số vàng, tiền hụi là 24 chỉ vàng 24Kara và 23.000.000 đồng. Vợ chồng chị đồng ý trả số nợ này nhưng xin trả trong thời hạn 03 tháng, hạn cuối trả vào ngày 15/10/2024 dương lịch.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ nhưng anh P vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, chị N và anh P vắng mặt lần thứ 2 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T yêu cầu bị đơn chị Huỳnh Thị N và anh Nguyễn Văn P trả số tiền và số vàng nợ hui, chị N và anh P có địa chỉ tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng góp hui”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về nội dung vụ án:

3.1. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định giữa nguyên đơn và bị đơn đã có giao dịch về tài sản dưới hình thức góp hui với mục đích có lãi và hưởng huê hồng là có thật, phù hợp với quy định pháp luật. Bởi lẽ, bị đơn chị N thừa nhận có tổ chức góp hui, thống nhất về số kỳ hui mà bà T đã đóng và hiện còn nợ bà T 23.000.000 đồng và 24 chỉ vàng 24 Kara. Như vậy, bà T là hui viên đã thực hiện góp hui theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hoi, hui, biêu, phường. Tuy nhiên, chị N tuyên bố ngưng không khai hui và tuyên bố vỡ hui là đã đơn phương chấm dứt hợp đồng góp hui. Theo quy định tại khoản 3 Điều 428 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì khi đơn phương chấm dứt hợp đồng, bên đã thực hiện nghĩa vụ có quyền yêu cầu bên kia thanh toán phần nghĩa vụ đã thực hiện đúng phần nghĩa vụ đã thực hiện.

3.2 Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N thống nhất chị và anh P còn nợ bà T 23.000.000 đồng và 24 chỉ vàng 24 Kara và đồng ý trả số nợ này. Tòa án đã triệu tập anh P hợp lệ để tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng anh P không có ý kiến cũng như không đưa ra tài liệu, chứng cứ phản đối với yêu cầu của nguyên đơn và vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa là đã từ bỏ quyền lợi của mình. Đây là tình tiết mà nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy, xét về trách nhiệm liên đới của vợ chồng khi thực hiện các giao dịch dân sự của hộ gia đình thì vợ chồng phải cùng có trách nhiệm chung về quyền lợi, nghĩa vụ. Do đó, khi có căn cứ xác định nghĩa vụ của một người (Vợ hoặc chồng) đối với người khác thì cần

buộc cả hai người (Vợ và chồng) phải cùng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ liên đới, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng theo quy định tại Điều 288 của Bộ luật dân sự và các Điều 27, 30 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3.3. Tại phiên hòa giải ngày 15/7/2024, chị N xin trả dần số tiền 23.000.000 đồng và 24 chỉ vàng 24 Kara trong thời hạn 03 tháng nhưng tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy trong giao dịch góp hụi trên, bị đơn là chủ hụi không thực hiện nghĩa vụ trả tiền hụi cho hụi viên khi tuyên bố ngưng hụi là vi phạm nghĩa vụ mà các bên đã thỏa thuận. Căn cứ Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 18, Điều 23 và Điều 25 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ, hụi, biếu, phường, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Giá vàng 24 Kara tại thời điểm tính án phí là 7.600.000 đồng/chỉ vàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 288, Điều 357, khoản 3 Điều 428; Điều 471, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 27, Điều 30 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 22, Điều 23 và Điều 25 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ, hụi, biếu, phường;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích T.

1. Buộc chị Huỳnh Thị N và anh Nguyễn Văn P liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Bích T số tiền, vàng nợ hụi là 23.000.000 đồng và 24 chỉ vàng 24 Kara, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Bích T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Huỳnh Thị N và anh Nguyễn Văn P chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Chị Huỳnh Thị N và anh Nguyễn Văn P phải chịu 10.270.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- H lại bà Nguyễn Thị Bích T số tiền 4.955.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002843 ngày 20/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Thị Mỹ Nhanh

